

Số: **1506**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **31** tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng
tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I)
tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Văn bản số 91/TTg-CN ngày 24/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung khu công nghiệp Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam;

Căn cứ Văn bản số 3051/BXD-QHKT ngày 08/8/2022 của Bộ Xây dựng về việc góp ý kiến vào quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I) tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I) tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1996/TTr-SXD ngày 31/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I) tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, với những nội dung như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch: Khu vực lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I) thuộc địa giới hành chính xã Bảo Hưng và xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Ranh giới: Phía Tây Bắc giáp trung tâm xã Bảo Hưng; phía Đông Bắc giáp đường nội Quốc lộ 32C với đường Âu Cơ; phía Tây Nam giáp đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và khu dân cư xã Minh Quân; phía Đông Nam giáp đường Âu Cơ.

2. Quy mô

- Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 339ha.

- Diện tích lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 (giai đoạn I): 254,59ha (2.545.865,75m²).

3. Tính chất

- Là khu công nghiệp tập trung của tỉnh Yên Bái thuộc hệ thống các khu công nghiệp Quốc gia.

- Là khu công nghiệp đa ngành có giá trị gia tăng cao; ưu tiên các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm, thân thiện môi trường, định hướng các ngành công nghiệp chính như (điện tử, viễn thông, dược phẩm, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo có công nghệ kỹ thuật cao; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; công trình công nghiệp nhẹ...).

4. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa đồ án quy hoạch phát triển khu công nghiệp Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 91/TTg-CN ngày 24/01/2022.

- Cụ thể hóa Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 15/9/2020.

- Hình thành một khu công nghiệp đảm bảo kết nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật với các khu vực xung quanh, đảm bảo phát triển kinh tế gắn liền với sự bền vững về môi trường, phù hợp về kiến trúc cảnh quan khu vực, khai thác sử dụng quỹ đất hợp lý. Đáp ứng tốt nhu cầu đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo không gian công nghiệp mới, đóng góp vào cảnh quan chung theo định hướng phát triển của thành phố Yên Bái và vùng phụ cận.

- Làm cơ sở để triển khai nghiên cứu, lập dự án đầu tư xây dựng kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật và xây dựng các công trình công nghiệp, nhà máy, kho tàng nhằm thu hút các nhà đầu tư vào xây dựng trong khu công nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng theo hướng phát triển bền vững.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

Stt	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ
			(m ²)	(%)
1	Đất hành chính, dịch vụ KCN	CC	133.580,43	5,24
2	Đất nhà máy, kho tàng	CN	1.748.456,63	68,68
3	Đất cây xanh	CX	319.463,08	12,55
4	Đất các khu kỹ thuật	HTKT	34.294,20	1,35
5	Đất giao thông, bãi xe tĩnh		310.071,41	12,18
	Tổng cộng		2.545.865,75	100,0

6. Phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

6.1. Phân khu chức năng: Các khu chức năng trong khu công nghiệp bao gồm các khu đất xây dựng nhà máy, trung tâm điều hành, thương mại dịch vụ, cây xanh, giao thông, bãi đỗ xe và các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối..., được kết nối hợp lý qua các trục giao thông.

6.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Toàn bộ Khu công nghiệp được tổ chức theo hai trục không gian Đông Bắc và Tây Nam, phân tách bởi tuyến đường nối Quốc lộ 32C với đường Âu Cơ. Cổng chính của Khu công nghiệp mở trực tiếp ra đường Âu Cơ, các cổng phụ mở về phía tiếp giáp với tuyến đường nối Quốc lộ 32C và đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai;

- Đường trục chính kết nối khu công nghiệp với các tuyến đường quy hoạch đô thị trong tương lai trên cơ sở đảm bảo thuận lợi cho việc bố trí các nhà máy cũng như hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp và các khu vực lân cận.

- Khu hành chính, dịch vụ bố trí dọc đường Âu Cơ và đường nối Quốc lộ 32C với đường Âu Cơ tạo điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan cho khu công nghiệp.

- Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước đảm bảo cảnh quan, môi trường phù hợp với hệ thống cây xanh và mương nước bao quanh khu công nghiệp nhằm cách ly, hạn chế ô nhiễm và ngập úng cho khu vực. Tổ chức bãi đỗ xe, các khu hạ tầng kỹ thuật được bố trí thuận tiện trong quá trình sử dụng.

- Kiến trúc công trình: Các công trình trong khu công nghiệp theo kiến trúc hiện đại, hợp khối với chức năng công nghiệp, trung tâm dịch vụ điều hành. Các công trình điều hành, dịch vụ có chiều cao từ 1-12 tầng, công trình nhà máy, kho tàng có chiều cao tối đa 5 tầng.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch san nền

- Cao độ san nền: Trên cơ sở cập nhật và đấu nối với cao độ của các tuyến đường hiện hữu, xác định cao độ trong phạm vi dự án đảm bảo cân bằng khối lượng đào đắp với cốt san nền không chế thấp nhất là +43.85m, cốt san nền trong lô từ +43,85m đến +57,0m.

- Cao độ các nút giao thông nội bộ xác định phù hợp với cao độ tuyến đường nối giữa Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và địa hình tự nhiên đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.

- Trong từng ô đất giới hạn bởi các đường giao thông, hướng san nền dốc ra các tuyến đường giao thông, độ dốc san nền toàn khu không chế <2% đảm bảo khả năng thoát nước mặt.

7.2. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Mạng lưới giao thông đối ngoại khu công nghiệp là tuyến đường Âu Cơ tại phía Đông Nam khu vực quy hoạch kết nối với nút giao IC12 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai có chỉ giới 50m.

- Tuyến đường đối ngoại chạy qua giữa khu vực quy hoạch (tuyến đường nối Quốc lộ 32C với đường Âu Cơ (trục ngắn)) có chỉ giới 33,0m; tuyến đường đối ngoại tại phía Đông Bắc khu vực quy hoạch (tuyến đường nối quốc lộ 32C với đường Âu Cơ (trục dài)) có chỉ giới 33,0m.

b) Giao thông trong khu vực lập quy hoạch

- Tuyến đường trục chính Khu công nghiệp có chỉ giới 35,0m; tuyến đường nội bộ khu công nghiệp có chỉ giới rộng từ 20,5m - 26,5m; tuyến đường gom khu dịch vụ có chỉ giới rộng 18,5m.

- Bố trí các bãi đỗ xe tĩnh đảm bảo đủ nhu cầu cho các phương tiện vận tải, đưa đón công nhân của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

7.3. Quy hoạch thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

- Hướng thoát nước mưa tuân thủ theo hướng dốc san nền; nước mưa được thu gom bằng hệ thống các tuyến cống, rãnh bê tông cốt thép dọc đường và

thoát về mương thoát nước hiện có. Phần lớn diện tích khu công nghiệp nước mưa thoát ra Khe Ngay (Ngòi Xẻ) hiện có ở trung tâm khu đất quy hoạch, thoát xuống phía Nam qua cống hộp trên tuyến đường Âu Cơ thoát ra sông Hồng; một phần diện tích phía Đông khu công nghiệp dọc tuyến đường nối Quốc lộ 32C và đường Âu Cơ (trục dài) nước mưa sẽ chảy thoát về phía Đông theo Ngòi Đông ra sông Hồng.

- Phân chia lưu vực hợp lý, tận dụng các hướng thoát nước của địa hình thoát ra kênh tiêu quanh Khu công nghiệp và các kênh nhỏ, đảm bảo thoát nước tự chảy, không gây úng ngập cục bộ. Xung quanh hành lang cách ly Khu công nghiệp xây dựng tuyến mương hở sát ranh giới quy hoạch, đảm bảo việc tiêu thoát nước mưa của Khu công nghiệp nhanh nhất và thu gom nước từ những khu vực đồi, núi xung quanh dồn về, đồng thời là khoảng cách ly giữa khu công nghiệp với các khu vực xung quanh.

7.4. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước cấp: Giai đoạn đầu sử dụng nguồn nước cấp từ hệ thống chung của thành phố Yên Bái theo tuyến ống D300 hiện có trên đường Âu Cơ. Giai đoạn sau: Xây dựng nhà máy cấp nước với công suất dự kiến khoảng 30.000m³/ngày để cấp nước cho khu công nghiệp, khu đô thị dịch vụ và các đối tượng khác khu vực hữu ngạn sông Hồng theo Quy hoạch chung thành phố Yên Bái.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước khu công nghiệp: $Q = 9.615 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Mạng lưới đường ống: Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước cho khu công nghiệp theo dạng kết hợp giữa cấp nước sản xuất, cấp nước sinh hoạt và cấp nước cứu hoả; mạng lưới cấp nước là mạng vòng kết hợp với mạng nhánh đảm bảo tính an toàn và liên tục cấp nước. Hệ thống cấp nước cứu hoả được bố trí nối, gần ngã 3 ngã 4; khoảng cách giữa hai trụ cứu hoả tối đa là 150m.

7.5. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn cấp điện: Được lấy từ trạm biến áp 110/22kV Bảo Hưng (2x63kVA) phía Đông Nam khu công nghiệp.

a) Lưới điện trung áp 22kV

- Tổng công suất điện tiêu thụ là 60MVA, các trạm biến áp được đặt trong nội bộ trong khu công nghiệp để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho khu công nghiệp.

- Từ trạm biến áp 110kV xây dựng đường điện 22kV, mạch kép cấp điện cho các nhà máy, khu dịch vụ trong khu vực.

- Hệ thống lưới điện 22kV được thiết kế theo dạng vòng kết hợp hình tia, phân nhánh; hoàn trả các tuyến đường điện trung thế hiện trạng dọc hè các tuyến đường giao thông đảm bảo cấp điện cho nhân dân khu vực. Toàn bộ các tuyến điện trung thế đi ngầm trong hệ thống công cấp kỹ thuật và đặt chờ đầu nối tại các hố ga kéo cáp.

- Lưới điện chiếu sáng: Mạng lưới chiếu sáng của khu công nghiệp được bố trí đi ngầm, riêng rẽ với đường dây 0,4kV và 22kV. Nguồn cấp điện cho chiếu sáng lấy từ các trạm hạ áp trong từng khu vực. Hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn tiết kiệm năng lượng Led, loại 100W đến 150W - 220V, khoảng cách giữa các cột đèn từ 30 - 35m.

7.6. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

a) Quy hoạch thoát nước thải

- Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước. Tổng nhu cầu thoát nước thải khu công nghiệp: $Q = 6.688 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hệ thống thoát nước thải độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ các nhà máy, nhà điều hành trong khu công nghiệp được thu gom theo các tuyến cống chính, cống nhánh chôn ngầm tự chảy kết hợp các trạm bơm chuyên cấp, dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Đường cống thoát nước thải được đặt trên vỉa hè. Các tuyến cống dùng ống cống bê tông cốt thép đúc sẵn hoặc ống nhựa có đường kính từ D180 đến D500. Dọc theo các tuyến cống bố trí các ga thu thăm, khoảng cách 30 - 40m. Các tuyến cống bố trí theo độ dốc địa hình, có hướng thoát tự chảy về trạm xử lý.

- Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra hệ thống thoát nước bên ngoài.

b) Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Tổng nhu cầu thải chất rắn là 97 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn các nhà máy công nghiệp được thu gom và tập trung trong từng nhà máy hoặc tại điểm trung chuyển chất thải rắn của khu công nghiệp và được vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn của thành phố Yên Bái tại xã Văn Phú.

7.7. Mạng lưới thông tin liên lạc

- Nguồn cấp hệ thống thông tin liên lạc dự kiến đầu nối từ đường Âu Cơ ở phía Đông Nam; toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc sẽ được đặt trong hào kỹ thuật, cống cáp kỹ thuật. Các công bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng theo quy chuẩn của ngành.

- Toàn bộ khu công nghiệp lắp đặt 01 tổng đài số thuê bao. Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống công bể để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị, cáp tín hiệu sử dụng cáp quang phân phối đến các thuê bao. Xây dựng hệ thống cống ngầm theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi có xét đến khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác.

- Bố trí một số vị trí đặt trạm thu phát tín hiệu 4G, 5G tại các lô đất hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đảm bảo độ phủ sóng cho toàn bộ khu công nghiệp.

8. Tổng nhu cầu vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn vốn thực hiện

8.1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư: Tổng mức vốn đầu tư xây dựng hạ tầng khoảng 2.353 tỷ đồng.

8.2. Phân kỳ đầu tư: Thời gian dự kiến đầu tư dự án trong vòng 4 năm kể từ ngày được Nhà nước bàn giao đất, với các giai đoạn đầu tư như sau:

- Giai đoạn 1: San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hệ thống đường giao thông, cây xanh, cấp thoát nước, cấp điện và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông trên diện tích khoảng 70ha nằm ở phía Đông Nam khu công nghiệp nhằm tận dụng lợi thế địa hình bằng phẳng và các tuyến đường đối ngoại sẵn có để giảm chi phí đầu tư ban đầu. Xây dựng các công trình: Trung tâm điều hành, trạm xử lý nước thải, trạm cấp nước sạch.

- Giai đoạn 2: Tiếp tục triển khai san lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hệ thống đường giao thông, cây xanh, cấp thoát nước, cấp điện và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông trên diện tích khoảng 80ha nằm ở phía Đông Nam khu công nghiệp. Xây dựng khu trung tâm hành chính và các công trình công cộng, dịch vụ theo nhu cầu.

- Giai đoạn 3: San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hệ thống đường giao thông, cây xanh, cấp thoát nước, cấp điện và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông trên diện tích còn lại nằm phía Tây Bắc khu công nghiệp. Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục hạ tầng và các công trình thương mại dịch vụ còn lại.

8.3. Nguồn lực thực hiện: Vốn nhà đầu tư và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; môi trường nước, đất; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên... Phân tích dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường, đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khi triển khai thực hiện quy hoạch. Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường. Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên, phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại; đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (không gian xanh, hành lang bảo vệ, các khu vực hạn chế phát triển...).

- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch của khu công nghiệp, phát triển hệ thống cây xanh trong khu công nghiệp để giảm thiểu khói bụi, tiếng ồn.

- Đầu tư, trang bị hệ thống thùng thu gom và bố trí khu vực tập trung chất thải rắn phát sinh tại khu công nghiệp để vận chuyển đến điểm xử lý chất thải rắn tập trung của thành phố Yên Bái.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, các dự án đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp phải thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Thành phần hồ sơ

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, bao gồm: Thuyết minh quy hoạch, hồ sơ bản vẽ quy hoạch, quy định quản lý theo quy hoạch.

- Hồ sơ quy hoạch gồm 09 bộ, được lưu trữ tại Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên và các cơ quan chức năng liên quan để theo dõi, quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên phối hợp với các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Bàn giao hồ sơ quy hoạch cho các đơn vị liên quan; công bố công khai đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I) tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức lập hồ sơ cắm mốc ranh giới theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở để quản lý đất đai, thực hiện thu hồi đất, cấp phép xây dựng và thực hiện dự án đầu tư theo quy định hiện hành.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch đã phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *ps*

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Thế Phước;
- Phó CVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, XD. *ng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn